TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 218/2026/QĐST-HNGĐ	*Lâm Đồng, ngày 27 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 358/2026/TLST-HNGĐ ngày 28/4/2026 về việc "*Tranh chấp ly hôn"* giữa bà Phan Thị L, sinh năm: 1980; Địa chỉ: T, tờ bản đồ số 18 N, phường L - Đ, tỉnh Lâm Đồng với ông Trần P, sinh năm: 1984; Địa chỉ: T, tờ bản đồ số 18 N, phường L - Đ, tỉnh Lâm Đồng. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Hồng M, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Tổ B Đ, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/5/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/5/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị L và ông Trần P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: bà Phan Thị L và ông Trần P xác định có 02 người con chung là: Trần Thị Mỹ U, sinh ngày 06/12/2003 và Trần Văn T, sinh ngày: 01/7/2008. Cháu U đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con chung Trần Văn T, sinh ngày: 01/7/2008, bà Phan Thị L và ông Trần P thỏa thuận giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phan Thị L và ông Trần P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Phan Thị L và ông Trần P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phan Thị L, ông Trần P, bà Phan Thị Hồng M đều xác nhận ông P, bà L còn nợ bà M số tiền 5.000.000đ và 04 chỉ vàng 9999. Bà M không tranh chấp gì trong vụ án này nên không xem xét.

- Về án phí: Bà Phan Thị L thỏa thuận chịu 150.000đồng (trong đó phần bà L là 75.000đồng và phần ông P phải chịu 75.000đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007745 ngày 28/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho bà L số tiền 150.000đ án phí còn dư.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 1 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là xã Q, Thành phố Huế);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký và đóng dấu

Dương Thị Liên

TAND KHU VỰC 1
XNA270526.TL.QDBA
1642